Dhammapada Sutta (27)

Kinh Pháp Cú (Dhammapada, Anh–Việt)

dhp_ev 26

This document is written in Vietnamese, with Unicode Times font

Dhammapada Sutta

(Khuddaka Nikaya - Sutta Pitaka)

The Path of Truth

English translation

by Bhikkhu Khantipalo & Sister Susanna

Sydney, Australia, 1993 Kinh Pháp Cú

Vietnamese translation

by Bhikkhu Thích Minh Châu

Sài Gòn, Việt Nam, 1996

XXVI- Brahmanavagga

The Brahmana Phẩm Bà La Môn

383. O brahmin, strive and cleave the stream,

desires of sense discard,

knowing conditioned things decay

be Knower-of-the-Uncreated. 383. Hỡi này Bà-la-môn,

Hãy tinh tấn đoạn lòng,

Từ bỏ các dục lạc,

Biết được hành đoạn diệt,

Ngươi là bậc vô vi.

384. When by the twofold Dhamma

a Brahmin's gone beyond

all the bonds of One-who-Knows

have wholly disappeared. 384. Nhờ thường trú hai pháp [1]

Đến được bờ bên kia.

Bà-la-môn có trí,

Mọi kiết sử dứt sạch.

385. For whom is found no near or far,
for whom's no near and far,
free of fear and fetter-free,
that one I call a Brahmin True. 385. Không bờ này, bờ kia [2]
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc
Ta gọi Bà-la-môn.
386. Seated stainless, concentrated,
who's work is done, who's free of taints,
having attained the highest aim,
that one I call a Brahmin True. 386. Tu thiền, trú ly trần
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.
387. The sun is bright by day,
the moon enlights the night,
armoured shines the warrior,
contemplative the Brahmin True.
But all day and night-time too
resplendent does the Buddha shine. 387. Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm.
Khí giới sáng ban đêm.
Khí giới sáng Sát lỵ,
Thiền định sáng Phạm chí.
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.
388. By barring-out badness a "brahmin" one's called
and one is a monk by conduct serene,
banishing blemishes out of oneself
therefore one's known as "one who has left home". 388. Dứt ác gọi Phạm chí,

Tịnh hạnh gọi Sa môn,

Tự mình xuất cấu uế,

Nên gọi bậc xuất gia.

389. One should not a brahmin beat

nor for that should He react.

Shame! Who would a Brahmin beat,

more shame for any should they react. 389. Chớ có đập Phạm chí!

Phạm chí chớ đập lại!

Xấu thay đập Phạm chí

Đập trả lại xấu hơn!

390. For brahmin no small benefit

when mind's aloof from what is dear.

As much he turns away from harm

so much indeed does dukkha die. 390. Đối với Bà-la-môn,

Đây [3] không lợi ích nhỏ.

Khi ý không ái luyến,

Tâm hại được chận đứng,

Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. In whom there is no wrong-doing

by body, speech or mind,

in these three ways restrained,

that one I call a Brahmin True. 391. Với người thân miệng ý,

Không làm các ác hạnh

Ba nghiệp được phòng hộ,

Ta gọi Bà-la-môn.

392. From whom one knows the Dhamma

by Perfect Buddha taught

devoutly one should honour them

as brahmin sacred fire. 392. Từ ai, biết chánh pháp

Bậc Chánh Giác thuyết giảng,

Hãy kính lễ vị ấy,

Như Phạm chí thờ lửa.

393. By birth one is no brahmin,

by family, austerity.

In whom are truth and Dhamma too

pure is he, a Brahmin's he. 393. Được gọi Bà-la-môn,

Không vì đầu bện tóc,

Không chủng tộc, thọ sanh,

Ai thật chân, chánh, tịnh,

Mới gọi Bà-la-môn.

394. Dimwit! What's the coiled hair for?

For what your cloak of skins?

Within you are acquisitive,

you decorate without! 394. Kẻ ngu, có ích gì

Bện tóc với da dê,

Nội tâm toàn phiền não,

Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. One enduring rag-robes, lean,

with body o'erspread by veins,

lone in the woods who meditates,

that one I call a Brahmin True. 395. Người mặc áo đống rác,

Gầy ốm, lộ mạch gân,

Độc thân thiền trong rừng.

Ta gọi Bà-la-môn.

396. I call him a brahmin though

by womb-born mother's lineage,

he's just supercilious

if with sense of ownership,

owning nothing and unattached:

that one I call a Brahmin True. 396. Ta không gọi Phạm chí,

Vì chỗ sanh, mẹ sanh.
Chỉ được gọi tên suông
Nếu tâm còn phiền não.
Không phiền não, chấp trước
Ta gọi Bà-la-môn.
397. Who fetters all has severed
does tremble not at all,
who's gone beyond all bond, unyoked,
that one I call a Brahmin True. 397. Đoạn kết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ
Không đắm trước buộc ràng
Ta gọi Bà-la-môn.
398. When cutting strap and reins,
the rope and bridle too,
tipping the shaft, he's Waked,
that one I call a Brahmin True. 398. Bỏ đai da [4] bỏ cương [5]
Bỏ dây [6] , đồ sở thuộc [7]
Bỏ then chốt [8] , sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.
399. Who angerless endures abuse,
beating and imprisonment,
with patience's power, an armed might:
that one I call a Brahmin True. 399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy nhẫn làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.
400. Who's angerless and dutiful,
of virtue full and free of lust,
who's tamed, to final body come,
that one I call a Brahmin True. 400. Không hận, hết bổn phận,

Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.
401. Like water on a lotus leaf,
or mustard seed on needle point,
whoso clings not to sensual things,
that one I call a Brahmin True. 401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.
402. Whoso in this world comes to know
cessation of all sorrow,
laid down the burden, freed from bonds,
that one I call a Brahmin True. 402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.
403. Whose knowledge is deep, who's wise,
who's skilled in ways right and wrong,
having attained the highest aim,
that one I call a Brahmin True. 403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.
404. Aloof alike from laity
and those gone forth to homelessness,
who wanders with no home or wish,
that one I call a Brahmin True. 404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,

Ta gọi Bà-la-môn.

405. Who blows to beings has renounced

to trembling ones, to bold,

who causes not to kill nor kills,

that one I call a Brahmin True. 405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,

Yếu kém hay kiên cường,

Không giết, không bảo giết,

Ta gọi Bà-la-môn.

406. Among the hostile, friendly,

among the violent, cool

detached amidst the passionate,

that one I call a Brahmin True. 406. Thiên thần giữa thù địch

Ôn hòa giữa hung hăng.

Không nhiễm giữa, nhiễm trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

407. From whomever lust and hate,

conceit, contempt have dropped away,

as mustard seed from a point of a needle,

that one I call a Brahmin True. 407. Người bỏ rơi tham sân,

Không mạn không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,

Ta gọi Bà-la-môn.

408. Who utters speech instructive,

true and gentle too,

who gives offence to none,

that one I call a Brahmin True. 408. Nói lên lời ôn hòa,

Lợi ích và chân thật,

Không mất lòng một ai,

Ta gọi Bà-la-môn.

409. Who in the world will never take

what is not given, long or short,
the great or small, the fair or foul,
that one I call a Brahmin True. 409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.
410. In whom there are no longings found
in this world or the next,
longingless and free from bonds,
that one I call Brahmin True. 410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.
411. In whom there is no dependence found,
with Final Knowledge freed from doubt,
who's plunged into the Deathless depths,
that one I call a Brahmin True. 411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.
412. Here who's gone beyond both bonds,
to goodness and to evil too,
is sorrowless, unsullied, pure,
that one I call a Brahmin True. 412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện, ác,
Không sầu, sạch không bụi
Ta gọi Bà-la-môn.
413. Who, like the moon, unblemished, pure,
is clear and limpid, and in whom
delights in being a consumed,

that one I call a Brahmin True. 413. Như trăng sạch không uế
Sáng trong và tịnh lặng,
Hữu ái được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.
414.Who's passed this difficult path,
delusion's bond, the wandering-on,
who's crossed beyond, contemplative,
uncraving with no questioning doubt,
no clinging's fuel so cool become,
that one I call a Brahmin true. 414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiền định
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.
415. Who has abandoned lusting here
as homeless one renouncing all,
with lust and being quite consumed,
that one I call a Brahmin True. 415. Ai ở đời đoạn dục,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.
416. Who has abandoned lusting here
as homeless one renouncing all,
with lust and being quite consumed,
that one I call a Brahmin True. 416. Ai ở đời đoạn ái
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.
417. Abandoned all human bonds

and gone beyond the bonds of gods,
unbound one is from every bond,
that one I call a Brahmin True. 417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cỏi trời.
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.
418. Abandoned boredom and delight,
become quite cool and assetless,
a hero, All-worlds-Conqueror,
that one I call a Brahmin True. 418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.
419. Who knows how clutching creatures die
to reappear in many a mode,
unclutching then, sublime, Awake,
that one I call a Brahmin True. 419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.
420. Whose destination is unknown
to humans, spirits or to gods,
pollutions stayed, an Arahant,
that one I call a Brahmin True 420. Với ai, loài trời, người
Cùng với Càn thát bà,
Không biết chỗ thọ sanh
Lậu tận bậc La-hán.
Ta gọi Bà-la-môn.

421. That one who's free of everything
that's past, that's present, yet to be,
who nothing owns, who's unattached,
that one I call a Brahmin True. 421. Ai quá, hiện, vị lai
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.
422. One noble, most excellent, heroic too,
great sage and one who conquers all,
who's faultless, washed, one Awake,
that one I call a Brahmin True. 422. Bậc trâu chúa, thù thắng
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.
423. Who so does know of former lives
and sees the states of bliss and woe
and then who's reached the end of births,
a sage supreme with wisdom keen,
complete in all accomplishments,
that one I call a Brahmin True. 423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận
Thắng trí, tự viên thành
Bậc mâu ni đạo sĩ.
Viên mãn mọi thành tựu
Ta gọi Bà-la-môn.
Chú thích:
[1] Thiền Chỉ và Thiền Quán
[2] 6 nội xứ, 6 ngoại xứ

[3] sự trả đủa, trả thù

[4]Hận.

[5] Ái.

[6] Tà kiến.

[7] Tuỳ miên.

[8] Vô minh.

Dhammapadam Nitthitam

[Phẩm trước][Mục lục]

[Thư mục Việt ngữ] [BuddhaSasana Main Page]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.